

Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội

Công viên Hồ Tây



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI

Số: 29/CV - Haseco / 2023

I. Thông tin chung

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ GIẢI TRÍ HÀ NỘI
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	: 0100844825
Vốn điều lệ	: 100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 92.974.500.000 đồng
Địa chỉ	: Số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại	: (04) 3718-4193
Số fax	: (04) 3718-4190
Website	: www.congvienhotay.vn
Mã cổ phiếu (nếu có)	: HES

1. Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/11/1998, Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 cho Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội với số vốn điều lệ ban đầu là 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng). Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là vui chơi giải trí các trò chơi dưới nước và trên cạn, dịch vụ văn hoá văn nghệ, dịch vụ thể thao rèn luyện thân thể, cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo... Các sáng lập viên bao gồm: Ban Tài chính quản trị Thành ủy Hà Nội, Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam, Bưu điện Hà Nội, Công ty đầu tư khai thác Hồ Tây...

Ngày 19/5/2000, Công viên nước khai trương và chính thức đi vào hoạt động. Với diện tích 6,4 ha bao gồm các trò chơi dưới nước và các dịch vụ phụ trợ. Công viên nước bao gồm 14 khu trò chơi dưới nước hiện đại, toàn bộ trang thiết bị của Công viên nước Hồ Tây được nhập khẩu trực tiếp từ Tây Ban Nha và tất cả đều đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn mà Hiệp hội Công viên nước thế giới quy định. Ngoài ra, nguồn nước dùng trong các khu bể bơi đều được xử lý qua hệ thống lọc nước tuần hoàn hiện đại. Hàng ngày, bộ phận y tế của Công viên đều kiểm tra nguồn nước, các thông số về nước phải đảm bảo các tiêu chí của Bộ Y tế đưa ra; đảm bảo sức khỏe của khách hàng.

Ngày 2/7/2000, Khu vui chơi trên cạn rộng 1,7ha - nằm liền kề khu vui chơi dưới nước (Công viên nước) ra đời, ban đầu có tên là Công viên Vàng Trắng, chính thức khai trương và đi vào hoạt động (sau này đổi tên thành Công viên Mặt trời Mới cho đến nay).

Với mục tiêu phát triển là đưa Công viên Hồ Tây trở thành một điểm đến hấp dẫn hàng đầu của thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành phố phía Bắc, HĐQT đã đưa ra những giải pháp ngắn và dài hạn để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh: Về ngắn hạn: tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, xây dựng sản phẩm, dịch vụ mới, áp dụng công nghệ mới vào quy trình tác nghiệp và quản lý nội bộ của công ty, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, định hướng thị trường đúng đắn, tăng cường quảng bá tiếp thị sản phẩm, đa dạng hoá sản phẩm dịch vụ. Về dài hạn: từ năm 2017 HĐQT Công ty đang tiến hành triển khai làm lại quy hoạch tổng thể đồng bộ 2 khu công viên nước và công viên Mặt Trời Mới để đổi mới phù hợp với sự phát triển và xu hướng của xã hội hiện đại cũng như nhu cầu vui chơi giải trí của khách hàng hiện nay.

Năm 2022 vừa qua, Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng chỉ đạo sát sao để phục hồi hoạt động kinh doanh của công ty sau hơn hai năm chịu ảnh hưởng của dịch bệnh covid. Ban điều hành công ty và tập thể cán bộ công nhân viên quyết tâm đồng lòng thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty và đạt được kết quả hết sức khả quan: Tổng doanh thu năm 2022 đạt: 136,095 tỷ đồng, lợi nhuận đạt: 18,584 tỷ đồng.

Những thành quả đáng ghi nhận mà Công ty đã đạt được trong thời gian qua như:

- ✓ Bằng khen của Tổng cục du lịch Việt Nam năm 2000
- ✓ Bằng khen của Bộ văn hóa thể thao năm 2000, 2002
- ✓ Bằng khen hội liên hiệp thanh niên Việt Nam năm 2002
- ✓ Bằng khen của Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế năm 2003
- ✓ Bằng khen của chủ tịch UBND thành phố Hà Nội các năm 2003, 2005
- ✓ Giải thưởng sao vàng Đất Việt năm 2003
- ✓ Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội năm 2010 về thành tích tổ chức tốt sự kiện: **“1000 năm Thăng Long – Hà Nội”**
- ✓ Từ năm 2007 -2011, Công viên Hồ Tây liên tục được chứng nhận là 1 trong 500 thương hiệu mạnh tại Việt Nam do tổ chức AC Nielsen khảo sát và bình chọn.
- ✓ Năm 2006, 2008 và năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây đã được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam; được vinh danh trên bảng vàng: **“Thăng Long – Doanh nghiệp văn hóa năm 2010”**
- ✓ Năm 2011, Khu vui chơi giải trí công viên Hồ Tây vinh dự được nhận giải thưởng Top 500 sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam do người tiêu dùng bình chọn.
- ✓ Top 20 dịch vụ hoàn hảo do người tiêu dùng bình chọn năm 2014.
- ✓ Năm 2015, Công viên Nước Hồ Tây được tạp chí BuzzeFeed bình chọn là một trong 15 Công viên nước đáng ghé thăm nhất Thế Giới.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

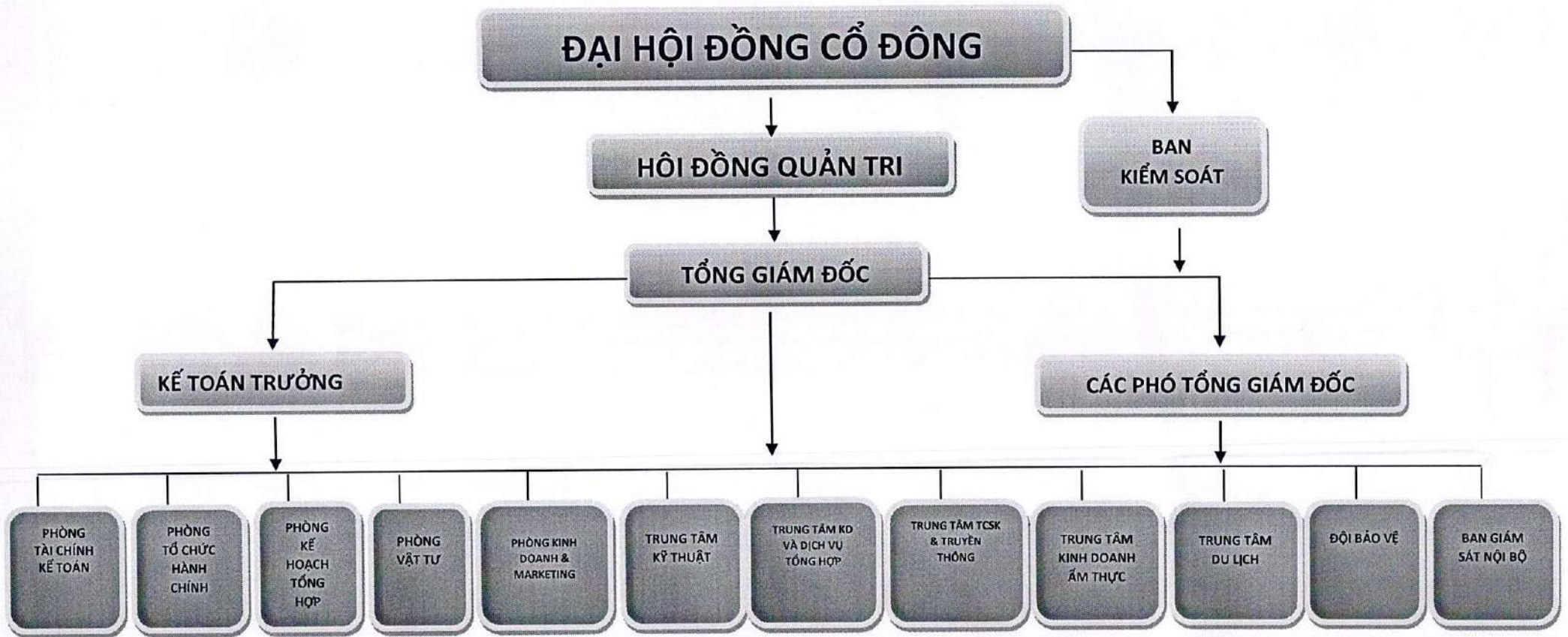
- Kinh doanh các trò chơi dưới nước, trên cạn;
- Tổ chức sự kiện, cho thuê địa điểm tổ chức sự kiện;
- Kinh doanh ẩm thực;
- Đại lý du lịch;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn, bán lẻ đồ uống.

b) Địa bàn kinh doanh: Công viên Hồ Tây có địa chỉ tại số 614 Đường Lạc Long Quân, Phường Nhật Tân, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần có cơ cấu gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY



b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Hoàn thiện Quy hoạch tổng thể Công viên Hồ Tây. Sau khi hoàn thiện Quy hoạch, tìm nhà đầu tư khai thác để chấm dứt tình trạng lỗ vốn của Công viên Mặt trời mới trong hơn 20 năm qua.
- Khắc phục cơ bản được tính mùa vụ, khai thác hạ tầng Công viên mùa thấp điểm.
- Hoàn thiện ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận sử dụng đất khu diện tích 1,7ha Công viên Mặt Trời Mới.
- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh vui chơi công viên nước, tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo, tiệc cưới, ẩm thực, kinh doanh du lịch lữ hành...
- Thực hiện giai đoạn II của việc ứng dụng công nghệ mới vào quy trình nội bộ của công viên, tiếp tục mở rộng các lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh khác của công ty.
- Đẩy mạnh truyền thông khai thác tối đa công viên nước và nhà hàng Sen Hồng.
- Tăng cường các biện pháp thu hút các nhà đầu tư chiến lược hợp tác kinh doanh khai thác dịch vụ công viên Hồ Tây nhằm phát triển bền vững.
- Tạo dựng được thương hiệu Công viên Hồ Tây là một thương hiệu mạnh, là một thương hiệu uy tín, tạo sự tin tưởng, an tâm của khách hàng khi sử dụng dịch vụ Công viên Hồ Tây, theo đó đem lại hiệu quả kinh tế cao.
- Nâng cao hiệu quả việc sử dụng nguồn nhân lực công ty.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Hoàn thiện Quy hoạch Tổng thể Công viên Hồ Tây, khắc phục cơ bản được tính mùa vụ, khai thác hạ tầng Công viên mùa thấp điểm, kết nối đồng bộ với khu phố đi bộ Trịnh Công Sơn tạo thành một điểm đến hấp dẫn cho người dân thủ đô và du khách trong và ngoài nước.
- Triển khai các hoạt động kinh doanh hiệu quả, gia tăng doanh thu, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động.
- Tái cơ cấu sắp xếp lại Doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Xây dựng Công viên Hồ Tây là một điểm đến ấn tượng với du khách trong và ngoài nước khi đến Thủ đô, hướng tới việc phát triển bền vững, nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng được nhu cầu vui chơi giải trí của mọi du khách gần xa, đảm bảo người dân Thủ đô hay là du khách từ xa đến Công viên đều tìm thấy các dịch vụ giải trí cần thiết và phù hợp với mọi lứa tuổi.

- Là điểm tham quan văn hóa, văn minh và hiện đại có hạ tầng kỹ thuật được xây dựng hoàn chỉnh và đồng bộ, không bị chia cắt trên cơ sở tận dụng tối đa những lợi thế về cảnh quan và hạ tầng sẵn có, xứng tầm với một khu vui chơi giải trí ngay tại Thủ đô đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí ngày càng cao của chính người dân Hà Nội, công viên mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát triển theo xu hướng bền vững, hiệu quả doanh nghiệp gắn với lợi ích cộng đồng.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Đảm bảo lợi ích của cổ đông cũng như lợi ích của công ty;
- Chăm lo đời sống người lao động;
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước và có trách nhiệm với cộng đồng. Đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

- Nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng do nền kinh tế thế giới tiếp tục biến động rất phức tạp, khó lường. Mức tăng trưởng chậm lại đang xảy ra ở hầu hết các nền kinh tế phát triển.
- Công ty hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố thời tiết và mùa vụ khó lường.
- Áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực vui chơi giải trí từ các tập đoàn lớn và các khu vui chơi trong các khu chung cư, trung tâm thương mại.
- Diện tích nhỏ hẹp với mục đích sử dụng chỉ là vui chơi và giải trí.
- Các trò chơi cũng đã cũ, chưa có nhiều đổi mới.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Tổng lượng khách: đạt 434.058 lượt khách, tăng 418.650 lượt khách hay tăng 271,1% so với năm 2021.

b) Tổng doanh thu: đạt hơn 136,095 tỷ đồng, tăng 117,108 tỷ đồng hay tăng 616,7% so với năm 2021, trong đó: Doanh thu các hoạt động tự doanh tại Công viên đạt 100,59 tỷ đồng, tăng 82,195 tỷ đồng hay tăng 446,8%; Doanh thu tour du lịch (là hoạt động phát sinh doanh thu ngoài công viên) đạt 35,5 tỷ đồng, tăng 34,912 tỷ đồng hay tăng 5.916,1%.

c) Phân tích nguyên nhân:

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Thị Vân	Tổng Giám đốc
2	Hoàng Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
3	Nghiêm Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
4	Lê Thị Nhạn	Phó Tổng Giám đốc
5	Vũ Quang Tuyên	Kế toán trưởng

❖ **Bà Nguyễn Thị Vân**

- Họ và tên: **NGUYỄN THỊ VÂN**
- Giới tính: Nữ
- Số CMND: 033172014011
- Ngày cấp: 10/10/2021
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/09/1972
- Nơi sinh: Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1102 - B13 – Chung cư Ban Đảng TW, tổ 15, phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại: 0904.227.576
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân QTKD - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
 - Nghiệp vụ chuyên môn về Quản trị kinh doanh
 - Nghiệp vụ chuyên môn về khách sạn, nhà hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/1991 đến 2008:
 - ✓ Nhân viên, phó phụ trách, phụ trách khối Nhà hàng – Khách sạn Hòa Bình
 - ✓ Bí thư Đoàn TN Khách sạn Hoà Bình, (Bí thư Đoàn TN Tổng Công ty Du lịch Hà Nội từ 11/2005-8/2012)
 - Từ 04/2008 đến 07/2008: Bí thư Đoàn TN chuyên trách Tổng Công ty Du lịch Hà Nội.
 - Từ 07/2008 đến 08/2011: Phó Chánh VP Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, kiêm Bí thư Đoàn Thanh niên.
 - Từ 08/2011 đến 5/2016:
 - ✓ Trưởng phòng Quản lý Kinh doanh TN Văn Phòng Tổng Công ty Du lịch Hà Nội (Kiêm Bí thư Đoàn thanh niên – đến 08/2012)
 - Từ 2005 – nay: Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Tổng công ty Du lịch HN.
 - Từ 05/2016 – Nay: Tổng giám đốc Công ty CP Dịch vụ Giải trí Hà Nội

- Từ 03/2016 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DVGT Hà Nội
- Từ 08/2019 – Nay: Phó TGD TCT DL Hà Nội – Công ty TNHH.
- Từ 05/2019 – Nay: UVTV Đảng ủy TCT Du lịch Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH.
- Số cổ phần nắm giữ: 1.015.923 cổ phần

*Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 1.015.923 cổ phần cho Tổng công ty DL Hà Nội – Công ty TNHH

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ Ông Hoàng Văn Toàn

- Họ và tên: **HOÀNG VĂN TOÀN**
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 030072000084
- Ngày cấp: 21/10/2014
- Nơi cấp: CA TP. Hà Nội.
- Ngày tháng năm sinh: 20/05/1972
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hà, Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Tổ 18, cụm 3 Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại: 0914.953.304
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cơ khí chế tạo máy - Đại học Bách khoa
 - ✓ Quản trị kinh doanh - Đại học Bách khoa
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/1994 đến 01/2003: Nhân viên thiết kế phòng kỹ thuật tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.

- ✓ Từ 02/2003 đến 10/2006: Thư ký ISO, trợ lý cho đại diện lãnh đạo (QMA) về hệ thống quản lý tại Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu.
- ✓ Từ 01/11/2006 đến 15/01/2007: Trợ lý kỹ thuật cho Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- ✓ Từ 15/01/2007 đến 11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật, giám đốc trung tâm Kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- ✓ Từ 11/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc trung tâm kỹ thuật Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần (chiếm 0,08% vốn cổ phần của Công ty)
- *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 7.000 cổ phần
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*

- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Nghiêm Thị Hồng Hạnh**

- Họ và tên: **NGHIÊM THỊ HỒNG HẠNH**
- Giới tính: Nữ
- Số CCCD: 001178026619
- Ngày cấp: 21/04/2021
- Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 19/12/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Từ Liêm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 57, ngõ 1 Võ Chí Công, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Số điện thoại: 0943.133.042
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - ✓ Cử nhân Hành chính – Học viện Hành chính Quốc Gia
 - ✓ Cử nhân ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội
- Quá trình công tác:

- ✓ Từ 04/2003 đến 09/2003: Thư ký Trưởng nhóm kinh doanh D27 – Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam
- ✓ Từ 10/2003 đến 09/2005: Nhân viên Thống kê Công ty bảo hiểm Hà Nội
- ✓ Từ 09/2005 đến 11/2007: Thư ký Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- ✓ Từ 11/2007 đến 09/2011: Thư ký Hội đồng Quản trị, Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- ✓ Từ 09/2011 đến 04/2014: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- ✓ Từ 04/2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:*
- Chồng: Trịnh Thái Nghĩa: Sở hữu 1.400 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Bà Lê Thị Nhạn**

- Họ và tên: **LÊ THỊ NHẠN**
- Giới tính: Nữ
- Số CCCD: 034178005741
- Ngày cấp: 05/03/2018
- Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Ngày tháng năm sinh: 01/07/1978
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P105 - nhà 7 - số 2 Bùi Ngọc Dương - Thanh Nhàn – Hai Bà Trưng - Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.383.809

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học KHXH và NV – Du lịch
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 12/2000 đến 04/2001: Nhân viên khách sạn 5* Melia Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2001 đến 05/2010: Trưởng lễ tân, trưởng phòng sale, trợ lý giám đốc, Phó Giám đốc khách sạn 3* Holidays Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2010 đến 05/2012: Trưởng phòng Kinh doanh & Marketing - Giám đốc Trung tâm Tổ chức Sự kiện tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
 - ✓ Từ 06/2012 đến 05/2013: Quản lý điều hành Công ty TNHH Du lịch Không gian VN
 - ✓ Từ tháng 7/2013 - 4/2015 Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
 - ✓ Từ 05/2015 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm du lịch Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: Không

❖ **Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **VŨ QUANG TUYÊN**
- Giới tính: Nam
- Số CCCD: 033068003864
- Ngày cấp: 29/06/2020
- Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về trật tự xã hội
- Ngày tháng năm sinh: 22/12/1968
- Nơi sinh: Xã Toàn Thắng – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú: Số 7 Ngõ 114 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: 0913.571.428
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - Từ 02/1988 đến 01/1990: Thực hiện nghĩa vụ quân sự tại Trường Hạ Sĩ quan trình sát chuyên môn kỹ thuật (T700) thuộc Cục Nghiên cứu, nay là Tổng cục II – Bộ Quốc Phòng, cấp bậc Hạ Sĩ, làm kế toán tài vụ và quản lý cơ quan Hiệu bộ nhà trường.
 - Từ 09/1990 đến 08/1994: Học tập tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Khoa Ngân hàng – Tài chính.
 - Từ 10/1994 đến 12/2008: Kế toán trưởng và kiêm nhiệm Chủ tịch Công đoàn nhiệm kỳ I (1995–1997) tại Chi nhánh Công ty Dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - Từ 01/2009 đến 06/2010:
 - ✓ Phó Giám đốc kiêm nhiệm Bí thư Chi bộ Chi nhánh Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành tại Hà Nội.
 - ✓ Đảng ủy viên Đảng ủy Công ty dịch vụ Du lịch Bến Thành – TP.HCM
 - Từ 09/2010 đến 10/2010: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần DVGT Hà Nội.
 - Từ 11/2010 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Bí thư Chi bộ Công ty CP dịch vụ giải trí Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Bí thư Chi bộ Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hà Nội.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - *Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- *Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không*
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành (nếu có): Không
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại các công ty khác: không

b) Những thay đổi trong ban điều hành: không có

c) Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 199 người/ tháng

- Tiền lương bình quân: 6.730.000 đ/ người/ tháng.
- Từ quý II/2022 tình hình đại dịch COVID 19 đã được kiểm soát, cũng chính là thời điểm Công viên nước mở cửa hoạt động trở lại. Nhu cầu vui chơi giải trí của người dân tăng cao, CBNV đi làm đủ công quy định và một số bộ phận phải làm thêm giờ để phục vụ khách hàng một cách tốt nhất sau một thời gian ngừng hoạt động vì dịch bệnh. Căn cứ vào yêu cầu công việc, kết quả kinh doanh Công ty thực hiện chính sách bổ sung lương cho Quý I/2022 do trong Quý I, Công ty vẫn bị ảnh hưởng bởi Dịch bệnh, CBNV chỉ hưởng 50% tiền Hỗ trợ đi lại để chia sẻ khó khăn cùng Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	95.901,9	102.884,9	7,28%
Doanh thu thuần	18.987,3	136.095,7	616,77%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-29.189,1	17.944,8	-161,48%
Lợi nhuận khác	126,2	640,0	407,13%
Lợi nhuận trước thuế	-29.062,8	18.584,8	-163,95%
Lợi nhuận sau thuế	-29.062,8	18.584,8	-163,95%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đ.V.T	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	0,68	2,4
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,65	2,36
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	29,2	15,94

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	41,24	18,96
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	23,52	95,34
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản:	Vòng	0,18	1,37
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-153,06	13,66
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-42,8	21,49
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-30,3	18,06
+Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-153,73	13,19

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 20/03/2023):

Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	92.974.500.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu	9.297.450 CP
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/CP
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	0%

STT		Số lượng	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông lớn (>= 5%)			
	- Cá nhân	0	0	0%
	- Tổ chức	05	8.004.065	86,09%
II	Cổ đông khác (<5%)			
	- Cá nhân	402	1.276.585	13,73%
	- Tổ chức	01	14.000	0,15%
III	Cổ phiếu quỹ		2.800	0,03%
	Tổng cộng		9.297.450	100%

Danh sách cổ đông lớn của Công ty

STT	Tên cá nhân/tổ chức (người đại diện)	Phân loại cổ đông		Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ (%)
		Cổ đông nhà nước	Cổ đông lớn		
1	Tổng Công ty Du lịch Hà Nội – Công ty TNHH	Cổ đông nhà nước		4.270.000	45,927%
2	Tập đoàn Bảo Việt	Cổ đông nhà nước		1.800.000	19,360%
3	Công ty TNHH Trí Thành		Cổ đông lớn	525.000	5,647%
4	Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Sen		Cổ đông lớn	938.565	10,095%
5	Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng		Cổ đông lớn	470.500	5,061%

b) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
Năm 1999	450.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	45.000.000.000	Thành lập Công ty.	
Tháng 3/2000	240.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	24.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8%/năm, áp dụng trong khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2000 đến năm 2005)	- NQ ĐHĐCĐ số 01/2000/NQ/ĐHĐ CĐ.HASECO ngày 21/03/2000 (để hoàn thành đầu tư giai đoạn 1 của Công viên Hồ Tây)
Tháng 01/2001	90.000 (MG: 100.000 đồng/cổ phần)	9.000.000.000	Phát hành cổ phiếu ưu đãi cổ tức cho cổ đông sáng lập (hưởng mức cổ tức ưu đãi cố định là 8,4%/năm, áp dụng trong	NQ ĐHĐCĐ số 388/NQ/ĐHĐCĐ/2 000 ngày 25/11/2000.

Thời điểm	Số lượng phát hành (cổ phần)	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
			khoảng thời gian 5 năm; từ năm 2001 đến năm 2006)	
Tháng 08/2001	1.497.450 (MG: 10.000 đồng/cổ phần)	14.974.500.000	Chào bán cho cán bộ công nhân viên, cổ đông sáng lập và bán đấu giá.	Biên bản ĐHĐCĐ số 05/2001/BB/ĐHĐ CĐ-HASECO ngày 23/07/2001
Cộng:	9.297.450	92.974.500.000		

Chú ý:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100844825 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/08/1999 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 19/07/2016, vốn điều lệ của Haseco là 100.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, tính đến thời điểm 30/09/2011, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 92.974.500.000 đồng. Điều này là do năm 2001, Công ty dự kiến tăng vốn lên 100 tỷ đồng nhưng số cổ phần thực tế phát hành được không đủ để tăng lên mức vốn nêu trên, khi đó, vốn điều lệ Công ty chỉ đạt 92.974.500.000 đồng. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh lại mức vốn điều lệ của Công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời gian sớm nhất.

c) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Hiện tại Công ty có 2.800 cổ phiếu quỹ. Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2022.

d) Các chứng khoán khác:

- Các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: không có
- Số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty đối với cá nhân, tổ chức khác liên quan đến việc phát hành chứng khoán: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí lớn nhất miền Bắc, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng tác động đến kết quả kinh doanh của Công viên Hồ Tây.

6.1) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.2) Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động bình quân/ tháng: 199 người/ tháng
- Tiền lương bình quân: 6.730.000 đ/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Sau một thời gian dài bị ảnh hưởng bởi đại dịch covid19, công ty tuy còn nhiều khó khăn nhưng nhờ dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động kinh doanh có nhiều khởi sắc nên Công ty đã kịp thời có những khoản thưởng để động viên, khích lệ và tri ân người lao động trong mùa hoạt động Công viên nước, những ngày lễ tết, những gia đình có hoàn cảnh khó khăn ... ; thăm hỏi ốm đau, ma chay hiếu hi... theo quy định của Công ty.

- Công ty thực hiện các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ như ốm đau, thai sản... theo đúng quy định của Pháp luật.

- Thời giờ nghỉ ngơi:

➤ Nhân viên khối văn phòng được bố trí nghỉ vào ngày nghỉ cuối tuần.

➤ Nhân viên khối tác nghiệp do tính chất hoạt động dịch vụ được bố trí nghỉ 01 ngày trong tuần.

➤ Nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ chế độ... người lao động được nghỉ việc, hưởng nguyên lương theo quy định của Nhà nước.

- Khen thưởng: có chế độ khen thưởng CBNV hoàn thành suất sắc nhiệm vụ hàng năm, hàng tháng, có khen thưởng sáng kiến, đột xuất... theo quy định của Công ty.

- An toàn lao động, VSLĐ: Công ty có đào tạo, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động cho người lao động. Xây dựng và ban hành nội quy về ATLĐ, VSLĐ cho các máy móc thiết bị và các công việc có nguy cơ tai nạn, nguy hiểm độc hại.

- Công ty có phòng Y tế riêng với trang thiết bị, thuốc men đầy đủ. Hàng năm công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định.

- Công ty có bếp ăn công đoàn đã được đầu tư công cụ, dụng cụ đảm bảo về chất lượng cũng như đảm bảo ATVSTP để phục vụ cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Đào tạo nội bộ: 12h/ nhân sự.

- Đào tạo nhân viên thời vụ: 36h/ nhân sự.
- Ngoài ra các Bộ phận tác nghiệp Trưởng các Bộ phận chủ động đào tạo tại chỗ nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:
 - + Công ty có tổ chức các khóa đào tạo tổng quan và đào tạo nghiệp vụ tại Công ty. Khóa đào tạo tổng quan Công ty: cung cấp cho người lao động kiến thức tổng quan về Công ty: giới thiệu lịch sử hình thành, mô hình tổ chức, định hướng loại hình sản phẩm dịch vụ, nội quy, quy chế và văn hóa Công ty...
 - + Khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng cho từng vị trí Công việc: Cứu hộ, bán lẻ cho thuê đồ bơi, bán hàng Ẩm thực, lễ tân chăm sóc khách hàng, soát vé, locker, Tổ xe, Tổ vé, Thu ngân...
 - + Các khóa đào tạo theo yêu cầu của công việc: đào tạo nghiệp vụ cứu hộ, bảo vệ, ATVSLĐ, ATVSTP, PCCC...

6.3) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

Chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng luôn được Ban lãnh đạo Haseco chú trọng. Công ty luôn chú trọng đến hoạt động khuyến góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt, thiên tai, hỏa họa, trợ cấp và tặng quà cho các gia đình chính sách, các cháu nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...Hằng năm, Công ty tổ chức chuyến đi từ thiện lên các điểm trường vùng cao để chia sẻ với các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện		Mức biến động so với kỳ trước		Tỉ lệ % so với doanh thu thuần (%)	
		Năm 2021 (Trđ)	Năm 2022 (Trđ)	Số tiền (Trđ)	Tỉ lệ (%)	Năm 2021	Năm 2022
1	Tổng Doanh thu	18.987,3	136.095,7	117.108,4	616,77	-	-
2	Các khoản giảm trừ	-	-	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần	19.987,3	136.095,7	117.108,4	616,77	100,00	100,00

4	Giá vốn h/hóa, dịch vụ	24.175,2	79.159,1	54.983,9	227,44	127,32	58,16
5	Lợi nhuận gộp	(5.187,9)	56.936,6	62.124,5	-1197,49	-27,32	41,84
6	Doanh thu tài chính	524,1	1.363,8	839,7	160,22	2,76	1,00
7	Chi phí tài chính	0,1	-	-	-	0,00	0,00
8	Chi phí bán hàng	6.718,1	17.164,1	10.446	155,49	35,38	12,61
9	Chi phí quản lý	17.807,1	23.191,5	5.384,4	30,24	93,78	17,04
10	Lợi nhuận thuần	(29.189,1)	17.944,8	47.133,9	-161,48	-153,73	13,19
11	Thu nhập khác	126,2	1.923,1	1.796,9	1.423,85	0,66	1,41
12	Chi phí khác	-	1.283,0	-	-	-	0,94
13	Lợi nhuận khác	126,2	640,0	513,8	407,13	0,66	0,47
14	Lợi nhuận trước thuế	(29.062,8)	18.584,8	47.647,6	-163,95	-153,06	13,66
15	Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
16	LN sau thuế TNDN	(29.062,8)	18.584,8	47.647,6	-163,95	-153,06	13,66

Phân tích nguyên nhân:

Dịch Covid-19 bùng phát mạnh mẽ tại Hà Nội từ đầu tháng 12/2021, số ca nhiễm vượt 1.300 ca/ngày kể từ ngày 15/12/2021 và tăng nhanh đến đỉnh dịch rơi vào ngày 8/3/2022 với số ca nhiễm là 32.650 ca/ngày. Số ca nhiễm tích lũy kể từ ngày 27/4/2021 đến 31/3/2022 của Hà Nội đứng ở mức cao nhất cả nước với tổng số ca nhiễm lên tới 1.474.782 ca.

Ngày 15/3/2022, UBND TP. Hà Nội ban hành công văn số 735/UBND-KGVX về việc triển khai thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 và mở cửa lại các hoạt động du lịch trong tình hình mới, trong đó cho phép các cơ sở kinh doanh dịch vụ, nhà hàng, quán ăn, uống được phép hoạt động bình thường trở lại trên cơ sở đảm bảo các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 theo hướng dẫn của cơ quan y-tế và các quy định liên quan.

Trên cơ sở kết quả tiêm vắc-xin phòng chống covid-19 đến mũi tăng cường thứ 3-4 đã đạt tỷ lệ bao phủ khá cao, nên tình hình dịch bệnh cơ bản đã được kiểm soát, các biện pháp phòng chống dịch đã dần được nới lỏng, tạo điều kiện cho các hoạt động kinh tế xã hội và sinh hoạt của người dân được thuận lợi trong trạng thái bình thường mới. Do đó, Ban điều hành công ty đã nhanh chóng chỉ đạo các đơn vị/bộ phận triển khai ngay các kế hoạch công việc theo chức năng nhiệm vụ được giao, chú trọng các biện pháp thúc đẩy kinh doanh khai thác khách, đặc biệt là mảng kinh doanh tiệc cưới và tour du lịch Nội địa. Tập trung các nguồn lực để nhanh chóng hoàn thiện các hạng mục duy tu bảo dưỡng máy

móc thiết bị khu Công viên nước, các hạng mục cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cảnh quan công viên để kịp tiến độ cho sự kiện ngày hội mở cửa Công viên nước vào ngày 16/4/2022.

Qua theo dõi lượng khách đến CVN trong khoảng một tháng kể từ ngày mở cửa đến giữa tháng 5 cho thấy, tâm lý khách hàng vẫn còn bất an và hạn chế đến những nơi tụ tập đông người vui chơi như CVN để nghe ngóng, thăm dò diễn biến tình hình dịch bệnh. Nhưng do không thấy có dấu hiệu dịch bệnh bùng phát trở lại nên tâm lý khách hàng hầu hết đã được giải tỏa, hơn nữa nhu cầu vui chơi giải trí đã bị kìm nén bởi đại dịch hơn 2 năm qua (2020-2021) nay đã được tháo gỡ, kỳ nghỉ hè của các lứa tuổi học sinh đã được trả về đúng thời gian như những năm trước đại dịch,...

Những yếu tố nêu trên cộng hưởng lại đã tạo sức hút mạnh mẽ kéo khách hàng đến với CVN năm nay, lượng khách tăng dần đều từ những ngày cuối tháng 5 và đạt đỉnh trong tháng 6 với 160.136 lượt khách, cao nhất so với cùng kỳ kể từ 2014 đến nay. Doanh thu và lượng khách CVN tăng mạnh, đồng thời có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng doanh thu từ các dịch vụ gia tăng tại công viên như: ẩm thực, bán lẻ hàng hóa, cho thuê đồ bơi, cho thuê tủ gửi đồ, nhà khách,... Tuy nhiên, mức chi tiêu bình quân đầu khách cho các dịch vụ gia tăng này chỉ đạt 39.727 đồng, giảm 3.561 đồng hay giảm 8,22% so với cùng kỳ năm 2019, điều đó cho thấy sức mua của khách hàng đã bị giảm sút so với trước đại dịch.

Riêng mảng kinh doanh tiệc cưới đã có những bứt phá mạnh mẽ trên cơ sở nền tảng đã xây dựng được trong những năm qua: Trong 2 năm đại dịch vừa qua, mặc dù Công ty gặp rất nhiều khó khăn về dòng tiền, nhưng Hội đồng quản trị và Ban điều hành vẫn quyết tâm tập trung đầu tư hoàn thiện việc cải tạo, nâng cấp 2 sảnh đón khách, hội trường, sân khấu, nhà vệ sinh, bàn ghế... của khu nhà hàng Sen hồng 1 và Sen hồng 2 để nâng cao chất lượng và đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Hệ thống mạng lưới đại lý tiệc cưới luôn được củng cố và ngày càng phát triển, rộng khắp đến tận phố, phường, tổ dân phố trên các địa bàn lân cận của Công viên Hồ Tây.

Đối với hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành, với lợi thế là lực lượng nhân sự được duy trì ổn định trong suốt hơn 2 năm qua, nên sau khi các hoạt động kinh doanh du lịch được phục hồi trở lại, Trung tâm du lịch đã nhanh chóng và chủ động triển khai các phương án kinh doanh, tập trung chủ yếu vào thị trường tour Nội địa với điểm đến là các bãi biển, khu nghỉ mát,... Đồng thời quan tâm khai thác thị trường tour du lịch nước ngoài cũng đang có những tín hiệu khả quan cho việc phục hồi trở lại (nhưng chậm hơn so với thị trường tour nội địa) với điểm đến chủ yếu là các nước Thái Lan, Ấn Độ. Kết quả kinh doanh năm 2022 đã có 9.761 lượt khách đi tour với doanh thu là hơn 35,5 tỷ đồng.

Tổng doanh thu của công ty năm 2022 đạt 136.095,7 triệu đồng, tăng 117.108,4 triệu đồng hay tăng 616,7% so với cùng kỳ 2021.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ tăng 54.983,8 triệu đồng hay tăng 227,4% so với cùng kỳ 2021.

Chi phí bán hàng tăng 10.446 triệu đồng hay tăng 155,5% so với cùng kỳ 2021.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5.384,5 triệu đồng hay tăng 30,24% so với cùng kỳ 2021.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2022 đạt 1.363,8 triệu đồng, tăng 839,7 triệu đồng hay tăng 160,2% so với cùng kỳ 2021.

Các khoản thu nhập khác trong kỳ là 1.923,1 triệu đồng, tăng 1.796,8 triệu đồng hay tăng 1423,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Kết quả kinh doanh năm 2022 Công ty đạt Lợi nhuận là 18.584,8 triệu đồng, vượt kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

2. Tình hình tài chính.

Về tổng tài sản: Tổng tài sản của công ty tại ngày 31/12/2022 là 102,88 tỷ đồng, tăng 6,98 tỷ đồng hay tăng 7,28% so với 31/12/2021, trong đó: Tiền và các khoản tương đương tiền giảm 710,7 triệu đồng hay giảm 13,8%; Đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 26,9 tỷ đồng hay tăng 1026,7% do tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng tăng (kinh doanh khởi sắc nên doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng, chính sách giãn thời gian nộp tiền thuê đất và thuế GTGT đã giúp công ty tận dụng được nguồn tiền chưa đến hạn thanh toán); Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 6,45 tỷ đồng hay giảm 69,1%; Hàng tồn kho giảm 480,8 triệu đồng hay giảm 44,9%; Tài sản ngắn hạn khác tăng 63,2 triệu đồng hay tăng 11,7%; Tài sản dài hạn giảm 12,33 tỷ đồng hay giảm 16% do trích khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn.

Về tổng nguồn vốn: Tổng nguồn vốn của công ty tại ngày 31/12/2022 là 102,88 tỷ đồng, tăng 6,98 tỷ đồng hay tăng 7,28% so với 31/12/2021, trong đó: Nợ phải trả giảm 11,6 tỷ đồng hay giảm 41,43% là do: Phải trả người bán tăng 3,12 tỷ đồng; Người mua trả tiền trước giảm 538,3 triệu đồng; Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm 9,18 tỷ đồng do đã trả hết nợ tiền thuế GTGT và tiền thuê đất; Phải trả người lao động tăng 1,83 tỷ đồng; Chi phí phải trả giảm 9,26 tỷ đồng; Doanh thu chưa thực hiện tăng 1,43 tỷ đồng; Các khoản phải trả khác tăng 992 triệu đồng. Vốn chủ sở hữu tăng 18,58 tỷ đồng hay tăng 27,37% là do khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 tăng 18,58 tỷ đồng.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Năm 2023, các áp lực, rủi ro và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam sẽ gia tăng. Trong đó, những rủi ro đối với việc tiếp tục phục hồi kinh tế chủ yếu đến từ bên ngoài, cuộc chiến Ucraina, suy thoái kinh tế ở Trung Quốc, lãi suất quốc tế tăng, đồng USD mạnh lên và nguy cơ suy thoái kinh tế ngày càng tăng ở châu Âu có thể ảnh hưởng đến nhu cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam và làm tăng bất ổn kinh tế vĩ mô.

Ngoài ra, cũng có những rủi ro đến từ trong nước, đặc biệt trong thị trường ngân hàng và trái phiếu, vốn rất nhạy cảm với những điều kiện thay đổi nhanh chóng trong lĩnh vực bất động sản. Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu sẽ ngày càng đè nặng lên sản xuất

nông nghiệp, sức khỏe và sự an cư của các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi mực nước biển dâng, lũ lụt, hạn hán và bão lớn.

Do đó, tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2023 này vẫn tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Ban điều hành sẽ nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, tăng cường khai thác và mở rộng các kênh bán hàng, bổ sung một số sản phẩm dịch vụ mới, tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí, đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo kế hoạch đề ra.

Căn cứ vào kết quả thực hiện năm 2022 và dự báo tình hình kinh doanh năm 2023, Công ty đặt ra các mục tiêu hoạt động năm 2023 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Mức tăng/giảm	
					Giá trị	Tỷ lệ %
--	(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(3)/(1)
1	Lượng khách đến CVHT	Khách	434.058	352.694	(81.364)	-18,74%
	- Công viên Nước	"	419.028	336.913	(82.115)	-19,60%
	- Công viên MTM	"	15.030	15.781	751	5,00%
2	Lượng khách đi Tour	Khách	9.761	13.177	3.416	35,00%
	- Tour Nội địa	"	8.824	11.912	3.088	35,00%
	- Tour Outbound	"	937	1.265	328	35,01%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	136.095,66	139.611,71	3.516,05	2,58%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	18.584,80	7.144,22	(11.440,58)	-61,56%

Trong đó, doanh thu kế hoạch năm 2023 phấn đấu đạt 139,61 tỷ đồng, tăng 3,52 tỷ đồng hay tăng 2,58% so với thực hiện năm 2022. Chỉ tiêu lợi nhuận là 7,14 tỷ đồng, giảm 11,44 tỷ đồng hay giảm 61,5% so với năm 2022 là do: Lợi nhuận từ CVN dự kiến giảm 8 tỷ đồng, tiền thuế GTGT năm 2022 được giảm 2% làm tăng lợi nhuận tương ứng là hơn 2 tỷ đồng - nhưng năm 2023 không có khoản này, tiền thuê đất năm 2023 tăng 2,03 tỷ đồng - tương ứng làm lợi nhuận giảm 2,03 tỷ đồng.

Để đạt được mục tiêu đề ra, công ty đã đưa ra các giải pháp:

a) Công tác quản trị điều hành:

- Tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn, thúc đẩy và tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan, ban ngành thành phố để Đồ án quy hoạch chi tiết đồng bộ khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây được phê duyệt theo Quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Tích cực tìm kiếm đối tác có tiềm lực tài chính mạnh, có năng lực kinh doanh, tâm huyết với lĩnh vực vui chơi giải trí để hợp tác kinh doanh khai thác tối đa lợi thế của Công viên Hồ Tây theo đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành. Đặc biệt là hợp tác kinh doanh khai thác khu vực 1,7ha, khắc phục tình trạng đầu tư không hiệu quả tại Công viên Mặt trời mới.

- Từng bước triển khai kinh doanh các dịch vụ theo chủ trương phát triển kinh tế địa phương của Thành phố tại địa bàn Quận Tây Hồ như tận dụng lợi thế mặt bằng rộng rãi, vị trí trung tâm để lên kế hoạch kinh doanh online, tận dụng mặt bằng để làm điểm trung

chuyển, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm nông sản các địa phương, quảng bá các sản phẩm du lịch... để gia tăng các nguồn thu, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

- Nghiên cứu triển khai việc xin cấp giấy phép khai thác nước ngầm để đảm bảo ổn định nguồn nước phục vụ kinh doanh, tuân thủ các quy định hiện hành.

b) Nhóm giải pháp thúc đẩy kinh doanh:

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị khách hàng tại các tỉnh phụ cận và Hà Nội để thúc đẩy tăng trưởng lượng khách đoàn, tour học sinh đến với Công viên Hồ Tây, đặc biệt tăng cường vào mùa hoạt động Công viên nước để tận dụng sản phẩm thế mạnh của Công ty. Nghiên cứu bổ sung các thiết bị trò chơi, sản phẩm mới phù hợp cho khu công viên MTM.

- Tăng cường công tác khai thác khách tổ chức sự kiện, đặc biệt là sản phẩm “ngày hội gia đình” để phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh về vị trí địa lý. Qua đó, có điều kiện gia tăng doanh thu từ trò chơi dưới nước, trò chơi trên cạn, trò chơi trong nhà, ẩm thực và hàng hóa bán lẻ sẽ thu được từ các sự kiện. Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng tiệc cưới với lợi thế không gian lãng mạn, chỗ để xe chuyên dụng rộng rãi, giá cả cạnh tranh. Tiếp tục chăm sóc, củng cố và phát triển các kênh bán hàng tiệc cưới, đặc biệt là mạng lưới các đại lý ngay tại các khu dân cư/tổ dân phố trên địa bàn quận Tây Hồ, Ba Đình.

- Vào các tháng thấp điểm, tận dụng lợi thế về vị trí địa lý của Công viên để thu hút sự kiện của các khách hàng lớn cũng như các Lễ hội do các cơ quan, đơn vị, hiệp hội... trên địa bàn thành phố tổ chức tại Công viên.

- Đối với lĩnh vực du lịch lữ hành: Đẩy mạnh công tác tiếp thị bán hàng các sản phẩm tour du lịch. Tập trung chăm sóc, chào bán tour cho các đối tác truyền thống có nhu cầu du lịch lớn đi du lịch các tuyến điểm mới ở cả trong nước và ngoài nước. Khai thác các khu công nghiệp, nhà máy đi du lịch trong nước, tuy mức giá và lãi gộp thấp nhưng có số lượng khách lớn. Lựa chọn tham gia một số liên minh tour ghép để mở rộng thương hiệu, nhưng phải đảm bảo an toàn, tránh rủi ro về vốn đầu tư. Thường xuyên nghiên cứu xây dựng và cải tiến sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu thị hiếu từng đối tượng khách hàng.

- Nghiên cứu và lựa chọn áp dụng các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, hiệu quả, có hiệu ứng tốt đối với công tác truyền thông quảng bá thương hiệu.

c) Truyền thông, quảng bá thương hiệu:

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây gắn với các sự kiện, sản phẩm trên các kênh thông tin như: các trang web, facebook, VOV giao thông và một số kênh truyền hình trung ương và địa phương lân cận với thời lượng và thời điểm phù hợp, đảm bảo hiệu quả và tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục lựa chọn và áp dụng các hình thức truyền thông mới mang tính thời đại, luôn cập nhật, tiếp cận các xu hướng truyền thông mới hấp dẫn giới trẻ - là đối tượng khách hàng chính của Công viên Hồ Tây.

- Tiếp tục hoàn thiện quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông tại công ty.

d) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:

- Rà soát và hoàn thiện lại công tác quản trị nhân sự và tiền lương theo hướng tinh gọn bộ máy, tránh chồng chéo thừa lao động so với nhu cầu công việc thực tế, đảm bảo mục tiêu cân đối hợp lý giữa chi phí tiền lương và doanh thu của Công ty.

- Nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt là nhân sự quản lý, đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo trong công tác chỉ đạo điều hành, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tâm huyết với nghề và sát sao với công việc, có kỹ năng phân công hướng dẫn và kiểm tra giám sát cấp dưới.

- Tăng cường công tác đào tạo đội ngũ nhân viên: tác phong nhanh nhẹn, tinh thần, thái độ phục vụ niềm nở, đặc biệt là các kỹ năng mềm trong giao tiếp và phục vụ khách hàng. Thường xuyên quan tâm công tác giám sát hiệu quả sau đào tạo, đặc biệt là ở các bộ phận tác nghiệp.

e) Công tác đảm bảo an toàn; duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp hạ tầng, cảnh quan:

- Quan tâm đầu tư duy trì việc bảo dưỡng thiết bị và hạ tầng Công viên nước và Công viên MTM, đảm bảo hệ thống các thiết bị trò chơi thường xuyên được kiểm định chất lượng theo quy định và tuyệt đối an toàn trong quá trình vận hành.

- Đảm bảo hệ thống vệ sinh trong công viên luôn được thông thoáng, sạch đẹp để góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Thường xuyên chăm sóc, chỉnh trang các cảnh quan của Công viên, tạo thêm nhiều tiểu cảnh đẹp đáp ứng nhu cầu chụp ảnh và thư giãn cho khách hàng. Đảm bảo cho Công viên Hồ Tây luôn có một môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Duy trì và tăng cường độ phủ sóng Wifi rộng khắp công viên, tạo điều kiện cho khách hàng quảng bá hình ảnh thương hiệu qua các trang mạng xã hội khi check-in CVHT.

f) Nhóm giải pháp về kiểm soát và tiết kiệm chi phí:

- Sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, dụng cụ đồ dùng và các trang thiết bị phụ trợ, tránh lãng phí.

- Sử dụng nhân sự hợp lý và hiệu quả, linh hoạt trong những ngày vắng khách.

- Định kỳ đánh giá, lựa chọn các nhà cung cấp đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, luôn chủ động về nguồn hàng với số lượng, chất lượng và giá cả đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát hàng tồn kho, đảm bảo số lượng tồn hợp lý, có báo cáo kịp thời để đổi trả hàng, tránh tình trạng để hàng hết hạn sử dụng hoặc tồn kho lâu ngày.

- Lập kế hoạch bảo trì bảo dưỡng thường xuyên các trang thiết bị máy móc để giảm thiểu chi phí thay thế khi chưa hết khấu hao.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vui chơi giải trí lớn nhất miền Bắc, hơn nữa các hoạt động vui chơi của Công viên Hồ Tây đều được tổ chức ngoài trời, nên yếu tố môi trường giữ vai trò quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công viên Hồ Tây. Hàng năm Công ty vẫn thực hiện quan trắc và báo cáo môi trường định kỳ theo quy định của Pháp luật.

Công ty đặc biệt quan tâm đến việc đảm bảo không gian trong lành, cảnh quan tươi xanh. Vì vậy công ty đã lập đề án bảo vệ môi trường và được chấp thuận. Việc xử lý nước thải được đặc biệt quan tâm, đó là đầu tư hệ thống xử lý nước thải công ty được đấu nối chung với hệ thống xử lý nước thải chung của Thành phố của Công ty Phú Điền .

Công ty có khu tập kết và xử lý rác thải sinh hoạt riêng biệt và được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Công ty có kho chứa chất thải nguy hại và được vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Hàng năm có báo cáo về việc quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động, thông qua việc tham gia đầy đủ BHXH, BHYT, BHTN cho Người lao động, hỗ trợ cơm ca. Công ty đã duy trì và đang cố gắng xây dựng các chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe an toàn và phúc lợi của người lao động như khám sức khỏe định kỳ, tiêm vắc xin Covid. Đối với các chế độ phúc lợi, Công ty có tháng lương thứ 13 và 0.5 tháng lương thứ 14, các khoản thưởng theo kết quả kinh doanh, thưởng các ngày lễ, Tết,...

Công ty quan tâm đến sức khỏe, môi trường cho Người lao động như cấp phát đồng phục, thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, diễn tập phòng cháy chữa cháy.

Ngoài ra, Công ty tổ chức chương học tập trải nghiệm kết hợp du lịch, nghỉ mát giúp CBNV học hỏi nâng cao tay nghề và nghỉ ngơi tái tạo sức lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Công ty luôn ưu tiên tuyển dụng nhân sự trên địa bàn nhằm tạo thêm thu nhập, ổn định cuộc sống cho lao động địa phương. Ngoài ra, Công ty cũng đã ủng hộ, tài trợ các chương trình văn hóa, thiện nguyện mà địa phương phát động theo tinh thần tương thân, tương ái. Hàng năm, Công ty hưởng ứng phong trào hiến máu cứu người theo định kỳ hàng năm do Tổng Công ty Du lịch Hà Nội Phát động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

a) Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đầy đủ các nhiệm vụ, chức năng theo quy định Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị luôn làm việc trên tinh thần trách nhiệm, trung thực, tâm huyết, phát huy trình độ, chất xám cao nhất để đưa ra các định hướng cho Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện, thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo an toàn cho nhân viên, khách hàng. Hội đồng quản trị đã hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó. Các Thành viên HĐQT tùy từng trình độ chuyên môn và thể mạnh của bản thân đã phân công thay nhau hỗ trợ, hướng dẫn Ban điều hành Công ty với những lĩnh vực có liên quan.

b) Hội đồng Quản trị chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu Ban điều hành khẩn trương xin phê duyệt Đề án Quy hoạch Tổng thể Công viên Hồ Tây, tìm giải pháp ngay khi công tác này có vướng mắc để tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ. Chỉ khi Quy hoạch Tổng thể Công viên được duyệt, thì hoạt động kinh doanh mới thực sự hiệu quả và giảm đi sự lệ thuộc vào yếu tố thời tiết, mùa vụ, mới nâng cao thu nhập cho người lao động và có cổ tức chi trả cho Cổ đông.

c) Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo, giám sát, đôn đốc và trợ giúp công ty trong việc xác định đơn giá 1,7ha Công viên Mặt Trời Mới.

d) Hội đồng Quản trị đã định hướng chỉ đạo, đưa ra các giải pháp để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty sau hơn hai năm ảnh hưởng của dịch bệnh covid.

- **Về kinh doanh:** Yêu cầu Công ty đẩy mạnh chất lượng dịch vụ Công viên nước đón đầu nhu cầu gia tăng đột biến của người dân sau đại dịch, yêu cầu đảm bảo tuyệt đối an toàn cho khách hàng, HĐQT đã đôn đốc Ban điều hành hoàn thiện sửa chữa Nhà hàng Sen Hồng, khi dịch bệnh đẩy lùi phải khai thác tối đa hiệu quả của Nhà hàng và vị trí đắc địa của Công viên.

- **Về cơ sở hạ tầng:** Tập trung rà soát, cải tạo chuẩn bị cơ sở vật chất hạ tầng thiết bị cảnh quan công viên: Công ty đã hoàn tất sửa chữa Nhà hàng Sen Hồng, tiến hành cải tạo hạng mục tầng hầm và bếp Nhà hàng Sen Hồng để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh tiệc sự kiện và tiệc cưới - là địa điểm tổ chức sự kiện đông khách trên địa bàn Tây Hồ. Cải tạo lại toàn bộ phần gạch lát khu vực Bể tạo sóng, các bể trẻ em, là điểm nhấn cho mùa hoạt động Công viên nước 2023.

- **Đối với các thiết bị trò chơi trong Công viên Mặt Trời Mới bị hư hỏng, xuống cấp:** Theo quy hoạch, các thiết bị trò chơi đều được tháo dỡ (trừ đu quay khổng lồ), HĐQT đã phê duyệt chủ trương thanh lý các thiết bị theo đúng quy định của pháp luật liên quan, tăng nguồn thu cho công ty.

- **Về nhân sự:** Quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần của người lao động công ty, bù đắp một phần cho nhân viên công ty trong hơn 2 năm khó khăn của dịch bệnh. Đồng thời Yêu cầu Công ty tái cấu trúc bộ máy tổ chức, định biên lao động và sắp xếp lại nhân sự Công ty theo hướng tinh gọn, phát huy tối đa hiệu quả và năng suất công việc.

e) Kết quả: Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt: 136,095 tỷ đồng, tăng 716,77% so với năm 2021. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 đạt 18,58 tỷ đồng.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc công ty.

Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao, thực hiện đúng và đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban điều hành đã thể hiện tinh thần làm việc không mệt mỏi, tập trung cao độ và tâm huyết, thực hiện theo đúng các chỉ đạo của HĐQT để đưa ra những chính sách, kế hoạch phù hợp thúc đẩy các hoạt động kinh doanh của Công ty, hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông đã giao phó.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

Hoàn thiện Quy hoạch Tổng thể khu vui chơi giải trí Công viên Hồ Tây. Sau khi hoàn thiện công tác này, công ty cần triển khai ngay việc tìm kiếm các đối tác tư vấn có năng lực để lập Dự án đề xuất Đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Giữ an toàn tuyệt đối cho nhân viên, cho khách hàng và khai thác tối đa các khoảng thời gian được hoạt động của Công viên Nước, của Nhà hàng tổ chức tiệc cưới và các loại tiệc.

Đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu Công viên Hồ Tây trên các kênh thông tin tiếp cận với giới trẻ như tiktok, facebook...kết hợp với các kênh thông tin truyền thống như các trang báo điện tử, kênh truyền hình...

Tiến hành giai đoạn II tiến trình ứng dụng công nghệ số vào các quy trình quản lý của Công ty.

Tiếp tục cải thiện từng bước Cơ sở hạ tầng và quản trị nguồn nhân lực.

Chỉ tiêu Tổng doanh thu năm kế hoạch 2023 là 139,61 tỷ đồng, tăng 2,58% so với Tổng doanh thu thực hiện năm 2022.

Chỉ tiêu Lợi nhuận trước thuế TNDN là 7,14 tỷ đồng.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 2.138.393 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội- Công ty TNHH) Tổng giám đốc Tổng CT Du lịch Hà nội – Công ty TNHH

2	Ông Lê Xuân Nam	Phó Chủ tịch HĐQT Haseco (Đại diện: 600.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt) Kế toán trưởng Tổng Công ty Bảo hiểm nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt
3	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 470.500 Cổ phần của Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng) Chủ tịch Công ty TNHH Một Thành Viên Putaleng
4	Ông Nguyễn Xuân Hải	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.115.684 cổ phần của Tổng Công ty Du lịch Hà Nội- Công ty TNHH) Kế toán trưởng - Tổng CT Du lịch Hà nội – Công ty TNHH
5	Bà Nguyễn Thị Vân	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 1.015.923 cổ phần của Tổng công ty du lịch Hà Nội- Công ty TNHH) Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí HN
6	Ông Đoàn Anh Trung	Thành viên HĐQT Haseco (Đại diện: 938.565 cổ phần của Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sen) Chủ tịch Công ty TNHH Thương Mại và DV Sen
7	Ông Nguyễn Trường Giang	Trưởng phòng Kế toán - Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt (Đại diện: 600.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt)

2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Đơn vị Công tác
1	Bà Văn Thị Cẩm	Trưởng Ban kiểm soát Haseco
2	Ông Nguyễn Minh Trí	Thành viên BKS Haseco (Đại diện: 525.000 cổ phần của Công ty TNHH Trí Thành) Giám đốc Công ty TNHH Trí Thành
3	Ông Bùi Thanh Hùng	Phó Trưởng phòng Tài chính Tổng Công ty Bảo Việt nhân thọ - Tập đoàn Bảo Việt

(Đại diện: 600.000 cổ phần của Tập đoàn Bảo Việt)

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

STT	Thành phần	Số tiền (VNĐ)	
		Năm 2021	Năm 2022
1	Hội đồng quản trị	309.600.000	412.800.000
2	Ban kiểm soát	100.800.000	134.400.000
3	Ban Tổng Giám đốc	943.328.803	1.500.139.906

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

Ý kiến của kiểm toán viên: “ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

1. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Tại ngày 31/12/2022)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.044.970.685	18.729.011.634
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.445.113.429	5.155.850.185
1. Tiền	111		945.113.429	1.655.850.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	3.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	29.520.000.000	2.620.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		29.520.000.000	2.620.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.886.300.872	9.342.007.241
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.501.839.248	396.325.918
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	532.936.520	8.212.853.924

3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.097.039.354	978.341.649
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(245.514.250)	(245.514.250)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	589.838.582	1.070.706.892
1. Hàng tồn kho	141		589.838.582	1.070.706.892
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		603.717.802	540.447.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	520.965.642	246.529.381
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82.752.160	293.917.935
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		64.839.938.364	77.172.917.848
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		61.443.921.573	70.555.246.072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	61.436.310.477	70.501.968.304
- Nguyên giá	222		252.070.292.205	257.161.857.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.633.981.728)	(186.659.889.172)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	7.611.096	53.277.768
- Nguyên giá	228		18.324.833.000	18.324.833.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.317.221.904)	(18.271.555.232)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.396.016.791	6.617.671.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	3.396.016.791	6.617.671.776
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		102.884.909.049	95.901.929.482
NGUỒN VỐN	.			
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		16.400.170.979	28.001.989.230
I. Nợ ngắn hạn	310		15.840.504.979	27.345.123.230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.293.744.643	1.176.118.188
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	788.984.850	1.327.246.516
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.13	198.437.180	9.375.538.647
4. Phải trả người lao động	314		1.838.291.253	7.027.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	3.479.184.988	12.737.203.919
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	2.498.727.273	1.068.097.531
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.135.151.678	1.202.507.815
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	1.200.000.000	-
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		407.983.114	451.383.114
II. Nợ dài hạn	330		559.666.000	656.866.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15	559.666.000	656.866.000

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		86.484.738.070	67.899.940.252
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	86.484.738.070	67.899.940.252
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.974.500.000	92.974.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		92.974.500.000	92.974.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.162.250.000	8.162.250.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(28.000.000)	(28.000.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.001.189.026	5.001.189.026
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.098.251.553	2.098.251.553
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(21.723.452.509)	(40.308.250.327)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(40.308.250.327)	(11.245.422.325)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.584.797.818	(29.062.828.002)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102.884.909.049	95.901.929.482

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	136.095.664.785	18.987.304.448
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01-02]	10		136.095.664.785	18.987.304.448
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	79.159.061.607	24.175.179.168
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10-11]	20		56.936.603.178	(5.187.874.720)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.363.780.237	524.060.540
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	-	118.540
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-

8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7	17.164.086.034	6.718.058.801
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	23.191.528.261	17.807.067.817
10	LN thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (25+26)]	30		17.944.769.120	(29.189.059.338)
11	Thu nhập khác	31	VI.5	758.678.917	126.235.103
12	Chi phí khác	32	VI.6	118.650.219	3.767
13	Lợi nhuận khác [40 = 31-32]	40		640.028.698	126.231.336
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		18.584.797.818	(29.062.828.002)
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	-
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		18.584.797.818	(29.062.828.002)
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.999,52	(3.126,83)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		146.506.648.909	18.994.788.950
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(70.247.794.865)	(18.343.240.343)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(19.125.596.039)	(9.467.086.494)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.091.732.978	1.724.984.445
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(37.250.592.097)	(6.798.996.643)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.974.398.886	(13.889.550.085)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.025.768.638)	(655.170.044)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.700.699.091	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(53.700.000.000)	(16.155.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.800.000.000	32.035.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		539.702.828	898.120.293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.685.366.719)	16.122.950.249
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(10.076.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(10.076.700)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(710.967.833)	2.223.323.464
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.155.850.185	2.932.645.261
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		231.077	(118.540)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	4.445.113.429	5.115.850.185

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hà Nội (Sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty Cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11/11/1998. Công ty đã có 07 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100844825 thay đổi lần thứ 7 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/07/2016 thì vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng). Đến ngày 31/12/2022, Công ty chưa góp đủ Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là HES.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, các trò chơi trên mặt đất, dưới nước và trên không;
- Dịch vụ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và rèn luyện thân thể;
- Cho thuê địa điểm hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ăn uống giải khát; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Vận chuyển khách du lịch; Kinh doanh du lịch lữ hành;
- Tư vấn đầu tư các loại hình kinh doanh văn hoá thể thao, vui chơi giải trí;
- Dịch vụ massage và vật lý trị liệu.

Trụ sở Công ty tại: Số 614 - Lạc Long Quân - quận Tây Hồ - Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2022 là 166 người (tại ngày 31/12/2021: 148 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hồ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bán cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc thiết bị	04 - 12
- Phương tiện vận tải	06 - 08
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 07

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là các chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng, phần mềm kế toán và bài giảng điện tử được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Bài giảng điện tử

Chi phí liên quan đến việc tổ chức đào tạo cho nhân viên mà ở đó toàn bộ kế hoạch hoạt động dạy học đều được chương trình hoá do giáo viên điều khiển thông qua môi trường multimedia do máy vi tính tạo ra. Nguyên giá của bài giảng điện tử là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bài giảng điện tử vào sử dụng. Bài giảng điện tử được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng

Nguyên giá chi phí đền bù giải phóng mặt bằng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 11 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí cải tạo, sửa chữa sảnh, mặt tiền, lợp mái tôn chống nóng nhà hàng Sen Hồng thuộc công viên nước Hồ Tây được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm có nghiệm thu quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí in vé, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn, thời gian sử dụng dài. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả có thời hạn trả nợ từ 01 năm trở xuống được Công ty ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ phải trả có thời hạn trên 01 năm được Công ty ghi nhận là nợ phải trả dài hạn.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là khoản dự phòng phải trả quỹ tiền lương.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Dự phòng tiền lương được Công ty trích lập bằng 5% trên quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 để bổ sung cho quỹ tiền lương năm sau nhằm đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: tiền nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác tài sản và các khoản doanh thu nhận tiền trước khác.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty. Các cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ không được nhận cổ tức, không có quyền bầu cử hay tham gia phân chia tài sản khi Công ty giải thể. Khi chia cổ tức cho các cổ phần, các cổ phiếu quỹ đang do Công ty nắm giữ được coi là cổ phiếu chưa bán. Giá trị cổ phiếu quỹ được phản ánh là giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu, như chi phí giao dịch, thông tin...

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ vui chơi giải trí, tổ chức hội nghị, kinh doanh ăn uống, doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà,... và doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền	945.113.429	1.655.850.185
Tiền mặt	639.164.176	425.683.436
Tiền gửi ngân hàng	305.949.253	1.230.166.749
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP Hồ Chí Minh - CN Hà Nội	1.000.000.000	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên	2.500.000.000	-
Cộng	4.445.113.429	5.155.850.185

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngân hàng TMCP HDBank - CN Hà Nội (1)	12.800.000.000	12.800.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Long Biên (2)	16.600.000.000	16.600.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - PGD Văn Cao - CN Tây Hồ (3)	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
Cộng	29.520.000.000	29.520.000.000	2.620.000.000	2.620.000.000

(1) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 12,8 tỷ đồng, thời hạn 6-12 tháng, lãi suất 5,9-6,55%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(2) Các Hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền 16,6 tỷ đồng, thời hạn 7-10 tháng, lãi suất 6,05-6,15%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(3) Hợp đồng ký quỹ hoạt động kinh doanh lý hành quốc tế số 107/2021/-VCB TAH với tổng số tiền 120.000.000 đồng, ký ngày 24/12/2021, thời hạn trả lãi 12 tháng, lãi suất 6.2%/năm. Hợp đồng tự gia hạn.

3. Phải thu khách hàng

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Cao Đức An - Tour liên minh Nhật	314.387.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Sen	159.240.911	-	16.067.608	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư HHA Việt	213.284.913	-	86.658.843	-
Nguyễn Thị Kim Anh	242.530.000	-	-	-
Các đối tượng khác	572.396.424	(245.514.250)	293.599.467	(245.514.250)
Cộng	1.501.839.248	(245.514.250)	396.325.918	(245.514.250)

*b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2***4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc và Quy hoạch Đô thị, Nông thôn	-	207.207.900
Công ty Cổ phần Brecus	-	881.991.000
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ CS - Solution	-	879.979.500
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi Sao Đỏ	-	168.978.500
Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ VDT	168.000.000	168.000.000
Công ty Cổ phần Kiến trúc đầu tư xây dựng Bắc Việt	-	377.875.100
Công ty TNHH Vạn Phú Kim	-	4.721.985.840
Các đối tượng khác	364.936.520	806.836.084
Cộng	532.936.520	8.212.853.924

5. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	859.008.496	-	35.162.164	-
Ngân hàng TMCP HDBank - CN Hà Nội	344.183.563	-	35.056.301	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	101.918	-	105.863	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeaBank) - Chi nhánh Long Biên	514.723.015	-	-	-
Các khoản phải thu khác	23.484.891	-	637.430.385	-
Công ty TNHH Thương Mại và Đầu tư HHA Việt Nam	-	-	302.586.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên	-	-	220.450.403	-
Các đối tượng khác	23.484.891	-	114.393.982	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	-	20.000.000	-
Phải thu người lao động	194.545.967	-	285.749.100	-
Cộng	1.097.039.354	-	978.341.649	-

6. Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: VND			
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Tư vấn và Đào tạo CONNECT	96.800.000	-	96.800.000	-
Công ty TNHH Du Lịch và Tổ chức sự kiện Sắc Việt	33.259.000	-	33.259.000	-
Công ty CP HEARTLINK	115.455.250	-	115.455.250	-
Cộng	245.514.250	-	245.514.250	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Nguyên liệu, vật liệu	414.248.398	-	632.174.130	-
Thành phẩm	16.441.350	-	8.805.107	-
Hàng hoá	153.734.092	-	374.525.777	-
Hàng gửi đi bán	5.414.742	-	55.201.878	-
Cộng	589.838.582	-	1.070.706.892	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư ngày 01/01/2022	149.305.792.983	104.941.350.842	2.648.945.454	265.768.197	257.161.857.476
- Tăng khác	297.336.982	118.181.827			415.518.809
- Thanh lý, nhượng bán	(1.602.986.198)	(3.904.097.882)	-	-	(5.507.084.080)
Số dư ngày 31/12/2022	148.000.143.767	101.155.434.787	2.648.945.454	265.768.197	252.070.292.205
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2022	95.874.289.168	88.239.586.058	2.280.245.749	265.768.197	186.659.889.172
- Khấu hao trong năm	5.752.429.001	3.600.874.915	127.872.720	-	9.481.176.636
- Thanh lý, nhượng bán	(1.602.986.198)	(3.904.097.882)	-	-	(5.507.084.080)
Số dư ngày 31/12/2022	100.023.731.971	87.936.363.091	2.408.118.469	265.768.197	190.633.981.728
Giá trị còn lại					
- Tại ngày 01/01/2022	53.431.503.815	16.701.764.784	368.699.705	-	70.501.968.304
- Tại ngày 31/12/2022	47.976.411.796	13.219.071.696	240.826.985	-	61.436.310.477

- Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 77.800.993.767 đồng (Tại ngày 31/12/2021 là 72.775.225.034 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm tin học, kế toán và đào tạo	Chi phí đền bù san lấp, giải phóng mặt bằng	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2022	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2022	2.020.650.000	16.304.183.000	18.324.833.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2022	1.967.372.232	16.304.183.000	18.271.555.232
Khấu hao trong năm	45.666.672	-	45.666.672
Số dư ngày 31/12/2022	2.013.038.904	16.304.183.000	18.317.221.904
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2022	53.277.768	-	53.277.768
Tại ngày 31/12/2022	7.611.096	-	7.611.096

10. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>520.965.642</i>	<i>246.529.381</i>
Chi phí in vé chờ phân bổ	-	104.932.291
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	520.965.642	141.597.090
<i>b) Dài hạn</i>	<i>3.396.016.791</i>	<i>6.617.671.776</i>
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	270.330.356	518.497.860
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	3.125.686.435	6.099.173.916
Cộng	3.916.982.433	6.864.201.157

11. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Tư vấn Xây dựng AEC	709.071.658	709.071.658	195.749.500	195.749.500
Công ty TNHH HANA Đầu tư xây dựng	212.812.212	212.812.212	153.912.623	153.912.623
Trần Thị Lý	128.059.305	128.059.305	6.220.841	6.220.841
Công ty TNHH INOMAT	9.534.298	9.534.298	115.555.475	115.555.475
Các đối tượng khác	3.234.267.170	3.234.267.170	704.679.749	704.679.749
Cộng	4.293.744.643	4.293.744.643	1.176.118.188	1.176.118.188

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	-	764.285.000
Cao Đức An - Tour liên minh Nhật	720.000.000	-
Công ty TNHH Dịch thuật thương mại và Du lịch Tre Việt	-	63.201.000
Công ty TNHH Du lịch Chào Thế Giới (Hello World Travel)	-	63.201.250
Các đối tượng khác	68.984.850	436.559.266
Cộng	788.984.850	1.327.246.516

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2022
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT	-	5.676.908.086	5.676.908.086	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.076.731	237.005.266	200.584.368	38.497.629
Thuế tài nguyên	412.800	21.301.120	20.616.960	1.096.960
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	9.363.365.678	9.022.910.017	18.386.275.695	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	9.683.438	192.094.653	42.935.500	158.842.591
Cộng	9.375.538.647	15.153.219.142	24.330.320.609	198.437.180

14. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả chi phí sự kiện/tiệc cưới	194.773.288	22.994.995
Phải trả chi phí ăn ca cho nhân viên	149.720.000	183.100.000
Phải trả chi phí đồng phục nhân viên	718.600.000	183.100.000
Trích trước tiền nghỉ mát, dưỡng sức cho CBNV	765.000.000	-
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phải trả	890.265.993	11.625.787.651
Trích trước chi phí phải trả khác	760.825.707	722.221.273
Cộng	3.479.184.988	12.737.203.919

15. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	107.807.728	124.236.365

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.027.343.950	1.078.271.450
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.027.343.950</i>	<i>1.027.343.950</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>-</i>	<i>50.927.500</i>
b) Dài hạn	559.666.000	656.866.000
Công ty Cổ phần Vui chơi Thể hệ mới	-	150.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ cà phê Cao Nguyên	200.000.000	200.000.000
Công ty CP Tập đoàn FARM FOODS Việt Nam	108.800.000	56.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư HHA Việt Nam	179.916.000	179.916.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn RED23 Việt Nam	70.950.000	70.950.000
Cộng	1.694.817.678	1.859.373.815
16. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ SEN trả trước tiền theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.492.727.273	426.013.638
Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng YAMAHA MOTOR Việt Nam	-	496.583.893
Doanh thu nhận trước khác	6.000.000	145.500.000
Cộng	2.498.727.273	1.068.097.531
b) Doanh thu chưa thực hiện là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2		
17. Dự phòng phải trả	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Dự phòng quỹ tiền lương	1.200.000.000	-
Cộng	1.200.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

18.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2021	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	(11.245.422.325)	89.863.327.675
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(29.062.828.002)	(29.062.828.002)
Số dư ngày 01/01/2022	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	(40.308.250.327)	60.800.499.673
Lãi trong năm	-	-	-	18.584.797.818	18.584.797.818
Số dư ngày 31/12/2022	92.974.500.000	8.162.250.000	(28.000.000)	(21.723.452.509)	79.385.297.491

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	42.700.000.000	42.700.000.000
Tập đoàn Bảo Việt	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH Trí Thành	5.250.000.000	5.250.000.000
Công ty TNHH MTV PUTALENG	4.705.000.000	4.705.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	9.385.650.000	9.385.650.000
Vốn góp của các đối tượng khác	12.933.850.000	12.933.850.000
Cộng	92.974.500.000	92.974.500.000

* Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.800 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (1)	Vốn điều lệ đã góp (2)	Vốn điều lệ còn phải góp (3)=(1)-(2)
	VND	VND	VND
Cộng	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000
	100.000.000.000	92.974.500.000	7.025.500.000

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp đầu năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	92.974.500.000	92.974.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu phổ thông	9.297.450	9.297.450
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.800	2.800
Cổ phiếu phổ thông	2.800	2.800
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.294.650	9.294.650
Cổ phiếu phổ thông	9.294.650	9.294.650

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

18.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	5.001.189.026	-	-	5.001.189.026
Quỹ khác thuộc vốn CSH	2.098.251.553	-	-	2.098.251.553
Cộng	7.099.440.579	-	-	7.099.440.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
USD	300,1	300,1

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	136.095.664.785	18.987.304.448
Cộng	<u>136.095.664.785</u>	<u>18.987.304.448</u>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.159.061.607	24.175.179.168
Cộng	<u>79.159.061.607</u>	<u>24.175.179.168</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.363.549.160	524.060.540
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	231.077	-
Cộng	<u>1.363.780.237</u>	<u>524.060.540</u>

4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	118.540
Cộng	<u>-</u>	<u>118.540</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Thu nhập khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập về nhượng bán, thanh lý tài sản	536.301.692	27.272.727
Các khoản thu nhập khác	222.377.225	98.962.376
Cộng	758.678.917	126.235.103

6. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Các khoản chi phí khác	118.650.219	3.767
Cộng	118.650.219	3.767

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	17.164.086.034	6.718.058.801
Chi phí nhân viên bán hàng	6.638.893.193	2.949.508.246
Chi phí dụng cụ đồ dùng	957.799.418	466.271.875
Khấu hao tài sản cố định	1.364.939.915	1.165.754.609
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.523.666.891	1.429.818.825
Chi phí bằng tiền khác	3.678.786.617	706.705.246
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	23.191.528.261	17.807.067.817
Chi phí nhân viên quản lý	6.552.439.187	3.813.918.305
Chi phí vật liệu quản lý	448.413.074	118.563.428
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.861.790	54.305.671
Khấu hao tài sản cố định	938.878.176	964.009.996
Thuế, phí, lệ phí	9.120.660.061	9.932.442.824
Chi phí dự phòng	1.200.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.493.385.745	1.335.753.174
Chi phí bằng tiền khác	3.301.890.228	1.588.074.419
Cộng	40.355.614.295	24.525.126.618

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.763.323.611	1.186.935.850
Chi phí nhân công	25.981.510.334	13.471.979.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.513.902.685	10.734.862.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.775.828.345	20.693.698.441
Chi phí bằng tiền khác	9.480.110.927	2.612.829.665
Cộng	119.514.675.902	48.700.305.786

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường		
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	18.584.797.818	(29.062.828.002)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	387.445.729	268.800.000
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(18.972.243.547)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(28.794.028.002)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.584.797.818	(29.062.828.002)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	18.584.797.818	(29.062.828.002)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.294.650	9.294.650
Các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.999,52	(3.126,83)

VII. Những thông tin khác

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.445.113.429	5.155.850.185

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	86.484.738.070	67.899.940.252
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.445.113.429	5.155.850.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.353.364.352	1.129.153.317
Các khoản đầu tư tài chính	29.520.000.000	2.620.000.000
Cộng	36.318.477.781	8.905.003.502
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	5.988.562.321	3.035.492.003
Chi phí phải trả	3.479.184.988	12.737.203.919
Cộng	9.467.747.309	15.772.695.922

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<u>31/12/2022</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	5.428.896.321	559.666.000	5.988.562.321
Chi phí phải trả	3.479.184.988	-	3.479.184.988
	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
<u>01/01/2022</u>			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.378.626.003	656.866.000	3.035.492.003
Chi phí phải trả	12.737.203.919	-	12.737.203.919

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2022</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.445.113.429	-	4.445.113.429
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.353.364.352	-	2.353.364.352
Các khoản đầu tư tài chính	29.520.000.000	-	29.520.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

<u>01/01/2022</u>	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm</u> <u>VND</u>	<u>Cộng</u> <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.155.850.185	-	5.155.850.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.129.153.317	-	1.129.153.317
Các khoản đầu tư tài chính	2.620.000.000	-	2.620.000.000

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông

a) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Bán hàng	11.122.936.262	11.039.467.731
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	189.388.889	328.499.999
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	10.933.547.373	10.710.967.732
Mua hàng	2.561.413.081	103.591.820
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	2.561.413.081	103.591.820

b) Số dư với các bên liên quan:

	<u>31/12/2022</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
Các khoản phải thu	159.240.911	23.467.608
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội - Công ty TNHH	-	7.400.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	159.240.911	16.067.608
Các khoản phải trả	160.444.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	160.444.000	-
Doanh thu chưa thực hiện	2.492.727.273	426.013.638
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Sen	2.492.727.273	426.013.638

c) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Thù lao của Hội đồng quản trị	412.800.000	309.600.000
Thù lao của Ban kiểm soát	134.400.000	100.800.000
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc	1.500.139.906	943.328.803
Cộng	2.047.339.906	1.353.728.803

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. *nh*

Hà Nội, ngày *03* Tháng *04* năm 2023
Công ty cổ phần dịch vụ giải trí Hà Nội
TỔNG GIÁM ĐỐC *nh*



Nguyễn Thị Vân